

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bông

Ông Đào Đình Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà An Thị Hà Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Đức H, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ B, H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

**- Bị đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Lê Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay tranh cãi, không thể xây dựng được hạnh phúc gia đình. Hai vợ chồng đã không chung sống 07 năm, trong thời gian này, hai vợ chồng không liên lạc với nhau để hòa giải hàn gắn. Nay, anh nhận thấy hai anh chị không thể về sống chung và không thể duy trì cuộc hôn nhân này nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Phương Q, sinh ngày 18/10/2015, từ nhỏ tới nay, cháu đã sống cùng anh. Anh đề nghị khi ly hôn sẽ được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh làm công nhân, thu nhập 10.000.000đ/tháng, có thể lo cho con cuộc sống ăn học đầy đủ.

Về tài sản chung, nợ chung: anh khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2024, bị đơn Vũ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân là hai bên bắt đầu quan điểm sống, không hợp nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Anh H đã về Quảng Ninh sống từ năm 2017, từ đó đến nay, hai bên không gặp nhau cũng không về sống cùng nhau lần nào. Nay anh H đề nghị ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Phương Q, sinh ngày 18/10/2015, cháu đang sống cùng anh H. Chị đồng ý khi ly hôn, sẽ giao cháu Q cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung.

Chị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng công việc bận rộn, không thể đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Lê Phương Q trình bày: cháu đang sống cùng bố Lê Đức H, nay bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố.

Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2024, đại diện Ủy ban nhân dân xã L cho biết: Anh H, chị T tự nguyện kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng mẹ chị T, đến năm 2017, mẹ chị T mất thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, không bảo ban được nhau. Đến khoảng năm 2018, 2019 thì anh H đã về quê ở tỉnh Quảng Ninh sinh sống, còn chị T thì đi làm ăn xa. Nay anh H xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đức H được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Giao cháu Lê Phương Q, sinh ngày 18/10/2015 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chấp nhận sự tự nguyện của anh H về

việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không phải giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đức H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của anh Lê Đức H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Do các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh H, chị T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên không liên lạc hàn gắn, cũng không gặp nhau lần nào. Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân của anh H, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung đã không được duy trì nhiều năm, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, mặc ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Phương Q, sinh ngày 18/10/2015, anh H đề nghị khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị T đồng ý giao cháu Q cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh H chị T ly thân, cháu Q sống cùng anh H và đang học tại trường Tiểu học P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, cháu Q cũng có nguyện vọng sống cùng anh H. Nguyện vọng của anh chị về việc giao con phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, bảo đảm được sự ổn định, môi trường sống, giáo dục của con, do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh H, chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

**[3] Về án phí:** anh H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Đức H. Anh Lê Đức H và chị Vũ Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Phương Q, sinh ngày 18/10/2015 cho anh Lê Đức H trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Đức H không yêu cầu chị Vũ Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Đức H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 0006786 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Lê Đức H, chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Lê Hồng (GCNKH số 53, ngày 28/10/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Lý**